

KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH THÁNG 07.2023

STT	MSSV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm số	Kết quả	Ghi chú
1	1213240054	Trần Văn	An	08/01/2003	01DS14A1	9,6	Đạt	
2	2203360173	Trần Vân	Anh	12/06/2005	02DD13C2	6,9	Đạt	
3	2203240242	Phạm Lan	Anh	05/05/1999	02YS13A2	8,0	Đạt	
4	2213180051	Lê Thị Mỹ	Anh	24/04/1994	02DS14B1	8,9	Đạt	
5	216030035	Võ Hồ Trâm	Anh			8,4	Đạt	
6	2223240006	Nguyễn Trần Hiếu	Anh	28/3/1993	02DS15B1	6,9	Đạt	
7	2193240070	Nguyễn Đăng Hoàng	Anh	22/07/2000	02KT12A1	5,5	Đạt	
8	2213180023	Ngô Hồng Ngọc	Anh	26/05/1997	02DS14B1	8,4	Đạt	
9	2223360130	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	28/01/2004	02DH15C1	7,7	Đạt	
10	2174476582	Trần Vân	Anh	27/11/2006	02DH14C1	6,7	Đạt	
11	2186908722	Phạm Lan	Anh	10/9/1997	02DD14B1	6,7	Đạt	
12	2197178751	Lê Thị Mỹ	Anh	21/7/1999	02TM14A1	7,3	Đạt	
13	2208529835	Võ Hồ Trâm	Anh	21/12/2006	02MK14C1	6,3	Đạt	
14	1213360099	Trần Ngọc	Anh	18/5/2006	01MK14C1	8,5	Đạt	
15	1213240031	Lê Trần Hoài	Anh	14/07/1989	01YS14B1	5,9	Đạt	
16	1213240024	Phạm Nguyễn Thế	Anh	26/04/1996	01YS14B1	8,7	Đạt	
17	1203360050	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	19/09/2005	01DD13C1	9,5	Đạt	
18	2223180004	Võ Thị Ngọc	Ánh	16/01/1998	02DS15B1	7,2	Đạt	
19	2213240068	Trương Thị Ngọc	Ánh	29/10/2000	02YS14B1	8,1	Đạt	
20	2203360040	Nguyễn Trần Ngọc	Ánh	28/12/2001	02DD14D1	6,7	Đạt	
21	1213360005	Phan Thụy Ngọc	Ánh	05/02/2002	01MK14C1	8,3	Đạt	
22	1213360082	Lư Gia	Bảo	25/11/2006	01TM14C1	6,5	Đạt	
23	1213360103	Đào Huỳnh Gia	Bảo	22/10/2006	01MK14C1	7,7	Đạt	
24	1213360049	Châu Quốc	Bảo	28/12/2006	01TM14C1	0,0	Không Đạt	
25	1213180033	Nguyễn Thị	Bình	10/8/1991	01DS14A1	8,3	Đạt	
26	1213180018	Trần Thanh	Cang	10/8/1990	01DS14B1	5,5	Đạt	
27	213360133	Nguyễn Ngọc	Cầm	28/10/2006	01KT14C1	8,0	Đạt	
28	2213180039	Huỳnh Thị Kim	Cương	23/08/1984	02DS14B1	4,7	Không Đạt	
29	2213240192	Trần Thị Kim	Cương	20/8/2003	02YS14A1	6,0	Đạt	
30	2203124557	Huỳnh Thị Kim	Cương	01/8/2006	02DS14C1	0,0	Không Đạt	
31	2193360055	Trần Hữu	Cường	25/02/1997	02DS12D1	5,9	Đạt	
32	2203360063	Đặng Huy	Cường	16/09/2000	02MK13D1	9,2	Đạt	
33	2213240026	Nguyễn Văn	Cường	14/07/2002	02YS14B1	6,8	Đạt	

STT	MSSV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm số	Kết quả	Ghi chú
34	2223240061	Nguyễn Phúc Bảo	Châu	02/07/2003	02DH15A1	7,7	Đạt	
35	114020166	Võ Kim	Chi	24/08/1996	01YS07A1	9,6	Đạt	
36	2223180016	Lương Thị Kim	Chi	30/09/1979	02DS15B1	9,1	Đạt	
37	2205827196	Võ Kim	Chi	31/05/2006	02MK14C1	4,1	Không Đạt	
38	1213180007	Võ Thị Xuân	Chi	06/03/1987	01DS14B1	9,1	Đạt	
39	2213180036	Kiều Công	Danh	12/11/1985	02YS14B1	2,9	Không Đạt	
40	2223360256	Nguyễn Thúy	Diễm	21/01/2007	02DH15C2	0,0	Không Đạt	
41	1213240059	Trần Thị	Diễm	26/6/1985	01DS14B1	9,3	Đạt	
42	2223180008	Phạm Thị Xuân	Diệu	30/06/1980	02DS15B1	7,9	Đạt	
43	2213240043	Nguyễn Ngọc	Diệu	12/06/2000	02KT14A1	4,1	Không Đạt	
44	2223360029	Ninh Thị	Dịu	20/04/1992	02DH15C1	4,4	Không Đạt	
45	2213360332	Cao Thị	Dung	05/9/1996	02DD14D1	4,3	Không Đạt	
46	2193360061	Đoàn Công	Duy	18/10/2004	02DD12C1	6,5	Đạt	
47	2213240191	Nghiêm Bảo	Duy	30/8/1991	02DS14B1	10	Đạt	
48	2203360153	Từ Trương Bảo	Duy	26/08/2005	02DL13C1	5,3	Đạt	
49	2213180019	Trần Quốc	Duy	03/10/1998	02YS14B1	3,9	Không Đạt	
50	2179341333	Đoàn Công	Duy	17/01/2001	02YS13B1	8,0	Đạt	
51	1223360018	Đinh Hải	Duy	10/08/1997	01YS15C1	7,2	Đạt	
52	1203360026	Đậu Thị	Duyên	24/04/2005	02DD13C1	6,5	Đạt	
53	1223180021	Phạm Đông	Dương	27/05/1996	01YS15A1	7,1	Đạt	
54	1213180021	Huỳnh Thanh	Đại	30/12/1980	01YS14B1	8,1	Đạt	
55	2213360248	Phạm Huỳnh Linh	Đan	03/4/2006	02KT14C1	4,5	Không Đạt	
56	2213240091	Thân Thị Hồng	Đào	24/11/1981	02DS14B1	7,6	Đạt	
57	2195016639	Thân Thị Hồng	Đào	22/12/2006	02TW14C1	8,8	Đạt	
58	2223240025	Cao Minh	Điền	26/07/2000	02DS15B1	7,9	Đạt	
59	2203360323	Phan Thị Ngọc	Điệp	21/04/2002	02DD13C2	9,1	Đạt	
60	2175557638	Phan Thị Ngọc	Điệp	01/10/2001	02KT14C1	6,5	Đạt	
61	1223180013	La Mộng	Điệp	14/05/1990	01YS15A1	7,6	Đạt	
62	1223240034	Đinh Thị Yến	Đinh	16/06/1995	01YS15A1	6,5	Đạt	
63	2213240001	Phan Thị Xuân	Đoan	21/09/1997	02KT14A1	8,4	Đạt	
64	1213240017	Lê	Đô	17/06/1998	01MK14A1	9,3	Đạt	
65	1213360094	Trần Chấn	Đông	04/10/2006	01MK14C1	6,5	Đạt	
66	2193180045	Trần Xuân	Đức	09/05/1994	02TM12A1	7,1	Đạt	
67	2223180022	Huỳnh Thiện Minh	Đức	26/03/1998	02DS15B1	7,3	Đạt	
68	1213240013	Lê Huỳnh	Đức	02/10/1998	01DS14B1	8,1	Đạt	
69	2213360269	Y Mut	Êban	04/6/1991	02YS14D1	8,1	Đạt	
70	2193395056	Phạm Thị	Fri	19/6/1988	02DS14A1	9,1	Đạt	

STT	MSSV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm số	Kết quả	Ghi chú
71	2213240099	Lê Thị Hương	Giang	18/07/1999	02KT14B1	6,4	Đạt	
72	2213240108	Phạm Thị Thúy	Giang	14/01/2002	02YS14A1	6,3	Đạt	
73	1223240066	Trần Ngọc Trúc	Giang	27/08/2004	01YS15A1	8,5	Đạt	
74	217030032	Trương Vân	Hà	23/08/2001	02DD10C1	4,1	Không Đạt	
75	2173936054	Trương Vân	Hà	06/12/2006	02DH15C1	7,5	Đạt	
76	1213180031	Nguyễn Thị Mỹ	HạNh	28/8/1989	01DS14B1	8,8	Đạt	
77	1223180023	Trần Thị Nhất	Hạnh	11/07/1993	01YS15A1	6,5	Đạt	
78	2213360046	Trần Tấn	Hào	08/04/2000	02DS14D1	5,1	Đạt	
79	1203360139	Võ Nhật	Hào	24/04/2005	01DD13C1	9,9	Đạt	
80	1223240007	Lâm Thị	Hào	02/08/2001	01YS15A1	7,9	Đạt	
81	2213180027	Võ Thị Kim	Hằng	25/02/1994	02DS14B1	8,4	Đạt	
82	2198259806	Võ Thị Kim	Hằng	23/8/1996	02DS14A1	6,4	Đạt	
83	1213360032	Trần Phương	Hằng	19/01/2006	01KT14C1	9,2	Đạt	
84	1213180028	Nguyễn Xuân	Hằng	05/11/1994	01DS14B1	8,7	Đạt	
85	1213240033	Nguyễn Thị	Hằng	11/06/1986	01DS14B1	8,7	Đạt	
86	1213360064	Nguyễn Thị Kim	Hằng	07/09/2006	01DD14C1	9,3	Đạt	
87	1203360080	Hoàng Thị	Hằng	09/12/2005	01DD13C1	8,7	Đạt	
88	2213240209	Nguyễn Ngọc Duy	Hân	05/7/1998	02KT14A1	0,0	Không Đạt	
89	1213360080	Nguyễn Ngọc	Hân	20/11/2006	01KT14C1	8,1	Đạt	
90	1213360144	Biện Thái Ngọc	Hân	24/7/2006	01MK14C1	4,1	Không Đạt	
91	2213240062	Trần Văn	Hậu	26/06/2001	02YS14B1	7,5	Đạt	
92	2213240028	Trần Phúc	Hậu	13/02/1996	02YS14B1	9,3	Đạt	
93	1213240011	Trần Trung	Hậu	20/10/1997	01DD14B1	7,2	Đạt	
94	217030030	Nguyễn Vũ	Hiền	30/8/2002	02DD10C1	6,3	Đạt	
95	2203360041	Trương Thái	Hiền	21/04/1995	02DD13C2	7,1	Đạt	
96	2180962916	Nguyễn Vũ	Hiền	02/01/1965	02DS14A1	6,8	Đạt	
97	2191232945	Trương Thái	Hiền	09/09/2000	02TW14C1	6,9	Đạt	
98	1213180017	Lê Thị Thu	Hiền	17/9/1986	01DS14B1	9,6	Đạt	
99	1213360098	Ngũ Chí	Hiệp	14/12/2006	01TM14C1	7,1	Đạt	
100	1213240066	Nguyễn Thị	Hiệp	10/10/1991	01DS14B1	8,5	Đạt	
101	2203240232	Trịnh Trung	Hiếu	13/05/2001	02YS13A1	6,9	Đạt	
102	2190151889	Trịnh Trung	Hiếu	28/09/1980	02DD14B1	9,2	Đạt	
103	2213240051	Lê Thị Tuyết	Hoa	08/05/1997	02DS14B1	9,2	Đạt	
104	2213360362	Lê Thị Thanh	Hoa	03/01/2001	02KT14C1	5,7	Đạt	
105	2206908251	Lê Thị Tuyết	Hoa	11/6/2006	02MK14C1	6,3	Đạt	
106	2213240198	Lê Thái	Hòa	22/02/1996	02DS14B1	6,1	Đạt	
107	2204746140	Lê Thái	Hòa	30/10/2006	02MK14C1	7,5	Đạt	

STT	MSSV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm số	Kết quả	Ghi chú
108	2213240037	Hồ Tấn	Hoàng	24/01/2001	02MK14B1	5,5	Đạt	
109	2203360083	Quảng Thị Bích	Hồng	11/10/2005	02DD13C1	0,0	Không Đạt	
110	2190692417	Quảng Thị Bích	Hồng	27/10/1988	02DD14B1	8,4	Đạt	
111	2223240011	Nguyễn Thị	Huệ	14/02/1985	02DS15B1	6,7	Đạt	
112	2213360059	Phạm Thị	Huệ	24/04/2003	02DD14D1	9,5	Đạt	
113	1213240045	Trương Ngọc	Huệ	25/05/2003	01KT14A1	3,9	Không Đạt	
114	1213360154	Trần Phan Quốc	Hùng	02/9/2006	01MK14C1	6,3	Đạt	
115	1213180014	Võ Thanh	Hùng	26/11/2001	01DD14B1	7,6	Đạt	
116	1203360086	Mai Xuân	Huy	26/01/2005	01YS13C1	6,3	Đạt	
117	1213360129	Võ Nhựt	Huy	27/12/2006	01MK14C1	5,7	Đạt	
118	1203360078	Phạm Hoàng	Huy	13/02/2005	01DD13C1	8,4	Đạt	
119	2203240171	Trương Ngọc	Huyền	10/01/2002	02DD13A2	8,3	Đạt	
120	2213360138	Trần Hoàng Ngọc	Huyền	21/10/2006	02DD14C1	6,3	Đạt	
121	2177179221	Trương Ngọc	Huyền	19/10/2007	02DN15C1	0,0	Không Đạt	
122	2183125027	Trần Hoàng Ngọc	Huyền	14/7/2004	02MK14C1	6,4	Đạt	
123	2213180059	Nguyễn Thị	Huỳnh	29/6/1991	02DS14B1	9,3	Đạt	
124	2213360069	Đặng Thị Ngọc	Huỳnh	25/09/2006	02KT14C1	6,5	Đạt	
125	2205286668	Nguyễn Thị	Huỳnh	25/12/2007	02MK15C1	0,0	Không Đạt	
126	1213360065	Đặng Kim	Huỳnh	08/01/2006	01TM14C1	6,9	Đạt	
127	1213360074	Phạm Tấn	Hưng	04/02/2006	01TM14C1	4,1	Không Đạt	
128	2193360293	Nguyễn Ngọc Cẩm	Hương	05/03/2001	02MK12C1	4,8	Không Đạt	
129	2203360143	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	09/11/2003	02MK13C1	6,9	Đạt	
130	1213360087	Nguyễn Lê Quỳnh	Hương	26/06/2006	01DD14C1	9,7	Đạt	
131	2213240046	Nguyễn Thị Thanh	Kiều	20/06/1987	02DS14B1	5,1	Đạt	
132	2223180021	Huỳnh Thị Diễm	Kiều	26/10/1993	02DS15B1	8,7	Đạt	
133	2202584029	Nguyễn Thị Thanh	Kiều	04/04/1993	02DS14A1	5,5	Đạt	
134	1213360013	Đinh Thị Thiên	Kim	23/05/1994	01DS14D1	8,4	Đạt	
135	1213240056	Nguyễn Trường	Kỳ	14/4/2001	01DS14B1	7,7	Đạt	
136	1203360104	Đỗ Nguyễn Thu	Khanh	08/09/2005	01YS13C1	9,2	Đạt	
137	2203180019	Nguyễn Nhật	Khánh	08/06/1981	02DS13A1	0,0	Không Đạt	
138	2213180031	Bùi Thiện	Khánh	14/07/1994	02DS14B1	9,7	Đạt	
139	2213240010	Đoàn Quang	Khánh	06/11/2001	02YS14A1	9,6	Đạt	
140	2173395526	Nguyễn Nhật	Khánh	19/11/1996	02DH15A1	9,2	Đạt	
141	2192314000	Bùi Thiện	Khánh	26/09/2007	02PM15C2	0,0	Không Đạt	
142	1213360091	Nguyễn Thị Kim	Khánh	25/8/2006	01KT14C1	8,1	Đạt	
143	2213240148	Đặng Tiến	Khoa	09/2/2003	02YS14A1	7,6	Đạt	
144	1193360040	Nguyễn Trọng	Khôi	08/06/2004	01TM12C1	6,4	Đạt	

STT	MSSV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm số	Kết quả	Ghi chú
145	2213360156	Mai Ngọc Thục	Khuê	25/02/2006	02DD14C1	8,9	Đạt	
146	2187989778	Mai Ngọc Thục	Khuê	30/10/1992	02DD14B1	6,7	Đạt	
147	2213180030	Trần Thị Thanh	Lan	08/08/1993	02YS14B1	7,9	Đạt	
148	2213360194	Nguyễn Quang	Lễ	22/9/2006	02KT14C1	4,9	Không Đạt	
149	213240012	Phan Văn	Liêm	23/10/1987	02DN14B1	2,9	Không Đạt	
150	2213360305	Phan Thị Hương	Liên	20/4/2006	02DH14C1	7,6	Đạt	
151	2203180107	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	02/03/1982	02YS13B2	7,5	Đạt	
152	2223180046	Lê Thị Mỹ	Linh	24/08/1985	02DS15B1	8,8	Đạt	
153	2223180044	Phạm Thị Thùy	Linh	27/06/1985	02DS15B1	7,5	Đạt	
154	2203360247	Nguyễn Trinh Diệu	Linh	06/10/2005	02DD13C2	6,8	Đạt	
155	1213360021	Lê Thị Hồng	Loan	09/12/2006	01KT14C1	3,7	Không Đạt	
156	2213360015	Nguyễn Hoàng	Long	27/03/2000	02DD14C1	4,9	Không Đạt	
157	1213240020	Hồ Vĩnh	Long	27/10/1993	01DS14A1	9,5	Đạt	
158	2193180010	Trịnh Văn	Luân	27/10/1986	02DS12A1	7,3	Đạt	
159	2191773472	Trịnh Văn	Luân	29/12/2000	02TW14C1	8,3	Đạt	
160	2213240186	Đỗ Tiến	Lực	27/9/2003	02YS14A1	6,7	Đạt	
161	2203360129	Trần Thị Hiền	Lương	21/06/2005	02MK13C1	6,7	Đạt	
162	2203360123	Lê Ngô Thảo	Ly	14/01/2004	02DD13C1	8,7	Đạt	
163	2193240306	Lê Thị Trúc	Ly	05/02/2001	02KT14A1	6,5	Đạt	
164	2178800805	Lê Ngô Thảo	Ly	30/10/2005	02DN14C1	6,9	Đạt	
165	2213360158	Bùi Ngọc Thiên	Lý	27/08/2006	02KT14C1	5,6	Đạt	
166	2213240073	Lê Thị Tuyết	Mai	11/06/1995	02DS14B1	9,5	Đạt	
167	2213180067	Lê Thị Hồng	Mai	18/5/1983	02DS14B1	9,2	Đạt	
168	2213360250	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	27/12/2006	02DD14C1	4,3	Không Đạt	
169	2203360296	Lê Ngọc	Mai	28/02/2005	02YS13C1	4,5	Không Đạt	
170	2195557167	Lê Thị Tuyết	Mai	07/7/2005	02TW14C1	7,2	Đạt	
171	2198800334	Lê Thị Hồng	Mai	03/3/1997	02DS14A1	8,8	Đạt	
172	1213360143	Đặng Xuân	Mai	28/7/2005	01KT14C1	9,9	Đạt	
173	1213180005	Phạm Tiểu	Mai	28/08/1993	01DS14B1	8,8	Đạt	
174	1213240039	Mai Thị	Mai	16/05/2003	01DD14A1	8,8	Đạt	
175	2213360154	Trần Văn	Mạnh	14/07/2000	02MK14D1	9,6	Đạt	
176	2194476112	Trần Văn	Mạnh	01/01/2006	02MK14C1	9,1	Đạt	
177	2203240266	Trần Thị Ánh	Mi	12/04/1998	02YS13A2	6,1	Đạt	
178	2184206083	Trần Thị Ánh	Mi	16/7/2006	02MK14C1	7,1	Đạt	
179	1213360150	Nguyễn Hoàng	Minh	04/9/2006	01TM14C1	2,7	Không Đạt	
180	1832410481	Phạm Văn	Minh	20/11/1987	01DD12A1	8,9	Đạt	
181	1213360102	Nguyễn Thụy Trà	My	16/08/2006	01DD14C1	8,3	Đạt	

STT	MSSV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm số	Kết quả	Ghi chú
182	1223180016	Phan Xuân	Niềm	20/09/1995	01YS15A1	6,5	Đạt	
183	2213240049	Lê Thanh	Nga	21/02/2002	02DD14A1	6,5	Đạt	
184	2213360360	Nguyễn Thị Thiên	Nga	22/9/2004	02MK14D1	8,9	Đạt	
185	2203240334	Phạm Thị Nguyệt	Nga	22/10/1996	02KT13B1	6,8	Đạt	
186	2213360164	Đỗ Nguyễn Thùy	Nga	22/07/2000	02KT14D1	7,6	Đạt	
187	2189070833	Lê Thanh	Nga	01/12/1993	02DD14B1	5,7	Đạt	
188	2199340862	Nguyễn Thị Thiên	Nga	08/9/2006	02DS14C1	8,3	Đạt	
189	2203360081	Hồ Ngọc Bảo	Ngân	14/10/2005	02DD13C1	5,6	Đạt	
190	2213240159	Trần Thụy Kim	Ngân	10/12/1989	02DS14B1	9,6	Đạt	
191	2213240029	Phạm Thị Kim	Ngân	01/03/1996	02KT14B1	7,1	Đạt	
192	2213240030	Nguyễn Thị Thùy	Ngân	27/11/1999	02KT14B1	8,5	Đạt	
193	2213360233	Lê Trần Kim	Ngân	16/11/2006	02DD14C1	0,0	Không Đạt	
194	2176638693	Hồ Ngọc Bảo	Ngân	28/08/2006	02DN15C1	6,1	Đạt	
195	2200962445	Trần Thụy Kim	Ngân	20/09/1976	02DS14A1	7,5	Đạt	
196	1203240056	Lê Trần Lý	Ngân	25/03/2002	01DS13A1	8,4	Đạt	
197	2213180021	Trần Đình	Nghị	30/03/1990	02YS14B1	8,3	Đạt	
198	2203240309	Nguyễn Thành	Nghĩa	28/05/1998	02MK13B1	7,5	Đạt	
199	2203360172	Nguyễn Trương Thảo	Ngọc	02/02/2005	02YS13C1	6,9	Đạt	
200	2213240078	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	27/12/1997	02DS13A1	7,2	Đạt	
201	2203360273	Phạm Nguyễn Thảo	Ngọc	12/05/2005	02DD13C2	5,7	Đạt	
202	2181503444	Nguyễn Trương Thảo	Ngọc	10/05/2006	02MK14C1	5,9	Đạt	
203	2213240015	Nguyễn Thảo	Nguyên	03/10/1992	02DS14B1	6,9	Đạt	
204	2223240008	Võ Nguyễn Hạnh	Nguyên	17/10/2000	02DH15A1	9,2	Đạt	
205	2201502973	Nguyễn Thảo	Nguyên	10/12/1998	02DS14C1	8,9	Đạt	
206	1213360058	Lê Trung	Nguyên	14/01/2005	01DS14C1	8,8	Đạt	
207	2213360130	Cao Thụy Minh	Nguyệt	23/11/1989	02DS14D1	7,7	Đạt	
208	1223240076	Trần Ngọc Đan	Nhã	06/01/1997	01YS15A1	7,9	Đạt	
209	1203360171	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	19/12/2004	02DS13C2	6,4	Đạt	
210	2213240060	Nguyễn Hoàng Khánh	Nhi	27/03/2001	02KT14B1	8,8	Đạt	
211	2213180010	Trần Thị Hoàng Yến	Nhi	01/12/1990	02DS14B1	9,1	Đạt	
212	2223360468	Sóc Thị Quỳnh	Nhi	24/03/2007	02DN15C1	4,3	Không Đạt	
213	2213360288	Nguyễn Ngọc	Nhi	13/7/2006	02DH14C1	6,7	Đạt	
214	2180422388	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	26/07/1993	02DS14C1	4,5	Không Đạt	
215	1213240047	Lâm Ngọc Yến	Nhi	01/05/2003	01KT14A1	9,1	Đạt	
216	1213360056	Trần Ngọc	Nhi	27/07/2006	01KT14C1	7,6	Đạt	
217	1223240074	Trương Thị Huỳnh	Nhi	18/12/2004	01YS15A1	7,5	Đạt	
218	2203360337	Lâm Tuyết	Nhung	26/10/2005	02DS13C2	3,9	Không Đạt	

STT	MSSV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm số	Kết quả	Ghi chú
219	2213240204	Văn Thị Cẩm	Nhung	10/3/1993	02DD14D1	7,1	Đạt	
220	2182043972	Lâm Tuyết	Nhung	13/4/2005	02MK14C1	8,4	Đạt	
221	1203360020	Lê Quỳnh	Nhur	24/12/2005	01DD13C1	8,7	Đạt	
222	1213240062	Nguyễn Thị Huỳnh	Nhur	01/10/2002	01DS14B1	9,2	Đạt	
223	1203360100	Nguyễn Quỳnh	Nhur	01/11/2005	01DD13C1	8,5	Đạt	
224	1203360176	Nguyễn Kim	Oanh	22/07/2004	01KT13C1	7,5	Đạt	
225	2213180038	Tạ Tiến	Phát	29/06/1993	02DS14B1	8,3	Đạt	
226	2206367724	Tạ Tiến	Phát	29/11/2006	02MK14C1	5,9	Đạt	
227	2193360027	Nguyễn Trọng	Phú	11/05/2002	02DD12D1	6,0	Đạt	
228	2223360188	Nguyễn Minh	Phú	26/03/2007	02DN15C1	0,0	Không Đạt	
229	2213360329	Đoàn Nguyễn Thiện	Phú	27/7/2006	02YS14C1	3,7	Không Đạt	
230	1193360056	Nguyễn Thiên	Phú	17/11/2004	01KT12C1	8,3	Đạt	
231	1213240049	Đỗ Trọng	Phú	15/8/2003	01DS14A1	6,9	Đạt	
232	2213180066	Trần Đức	Phúc	09/10/1972	02DS14B1	8,0	Đạt	
233	2196638223	Trần Đức	Phúc	09/06/1997	02TM14A1	8,1	Đạt	
234	1213360121	Phạm Minh	Phúc	19/3/2006	01TM14C1	8,0	Đạt	
235	1213360120	Võ Vĩnh	Phúc	17/4/2006	01TM14C1	7,1	Đạt	
236	2223180031	Phan Thị	Phụng	30/10/1995	02DS15B1	8,8	Đạt	
237	1213360017	Lý Kim	Phụng	10/02/2006	01MK14C1	8,5	Đạt	
238	2213240075	Thới Hợp	Phuong	20/12/1996	02DS14B1	6,1	Đạt	
239	2213180068	Phạm Thị	Phượng	03/8/1979	02DS14B1	9,7	Đạt	
240	2193935584	Phạm Thị	Phượng	29/04/1996	02DS14C1	9,3	Đạt	
241	2213360039	Trần Minh	Quân	21/10/2005	02YS14C1	8,1	Đạt	
242	2213240117	Võ Ngọc Minh	Quân	26/01/2003	02YS14A1	0,0	Không Đạt	
243	2203360071	Tiết Thị Ngọc	Quý	13/05/2005	02DD13C2	3,3	Không Đạt	
244	2175017110	Tiết Thị Ngọc	Quý	23/09/2006	02KT14C1	9,1	Đạt	
245	2213180022	Vũ Thị	Quyên	02/12/1990	02DS14B1	9,1	Đạt	
246	2197719278	Vũ Thị	Quyên	16/8/2002	02MK14C1	0,0	Không Đạt	
247	1213360062	Nguyễn Thanh Tú	Quyên	15/10/2006	01DS14C1	9,6	Đạt	
248	1213180015	Trần Thị Thu	Quyên	20/11/1986	01YS14B1	0,0	Không Đạt	
249	2203360311	Lê Thị Kim	Quỳnh	29/09/1996	02KT14D1	6,4	Đạt	
250	2213360222	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	25/10/2006	02KT14C1	4,3	Không Đạt	
251	2223360169	Lê Phạm Như	Quỳnh	26/02/2007	02DN15C1	0,0	Không Đạt	
252	1203360099	Nguyễn Như	Quỳnh	01/11/2005	01DD13C1	7,7	Đạt	
253	2213240161	Phí Văn	Sang	27/02/2001	02DN14B1	8,0	Đạt	
254	1213240030	Huỳnh Thanh Hạnh	Son	06/01/2001	01YS14B1	8,7	Đạt	
255	2213240190	Nay	Suna	24/5/1993	02YS14B1	9,3	Đạt	

STT	MSSV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm số	Kết quả	Ghi chú
256	2223360382	Võ Thành	Tài	27/02/2007	02DN15C1	6,7	Đạt	
257	2223360055	Trương Tấn	Tài	29/01/2003	02DH15C1	6,9	Đạt	
258	2213240103	Nguyễn Thị	Tâm	09/04/1989	02DS14B1	9,9	Đạt	
259	2213360319	Nguyễn Ngọc Mai	Tâm	25/01/2006	02DD14C1	0,0	Không Đạt	
260	2223360056	Lê Thị	Tâm	02/10/1999	02MK15D1	6,7	Đạt	
261	2213240008	Phan Bá	Tâm	21/02/1998	02DH14A1	9,5	Đạt	
262	2193180038	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	26/03/1984	02YS14B1	7,9	Đạt	
263	1213360093	Huỳnh Minh	Tân	06/02/2006	01TM14C1	6,9	Đạt	
264	2203360205	Trần Mỹ	Tiên	14/04/2005	02DD13C2	6,1	Đạt	
265	2213240081	Đặng Tường Phụng	Tiên	07/07/2000	02KT14A1	4,8	Không Đạt	
266	2177719749	Trần Mỹ	Tiên	13/08/2001	02DH15C1	5,7	Đạt	
267	1203360032	Thái Thị Thuý	Tiên	01/10/2005	01DS14C1	6,8	Đạt	
268	2223180053	Nguyễn Đình	Tiến	05/05/1990	02DS15B1	6,1	Đạt	
269	1213360015	Trần Nhật	Tiến	13/08/2005	01TM14C1	8,0	Đạt	
270	1213180010	Bùi Minh	Tiến	04/03/1988	01DS14B1	8,7	Đạt	
271	2213360285	Trần Trung	Tín	18/6/1998	02KT14D1	5,6	Đạt	
272	2213240039	Nguyễn Công	Toại	15/02/1995	02MK14B1	7,1	Đạt	
273	2213180011	Đàm Ngọc Cẩm	Tú	07/01/1992	02DS14B1	9,6	Đạt	
274	2207448779	Đàm Ngọc Cẩm	Tú	30/03/2005	02MK14C1	6,3	Đạt	
275	2223360099	Lương Minh	Tuấn	16/06/1985	02MK15D1	5,3	Đạt	
276	213240013	Lê Minh	Tuấn	01/7/1986	02DN14B1	7,9	Đạt	
277	2207989307	Lương Minh	Tuấn	07/10/2003	02MK14C1	6,3	Đạt	
278	1213360084	Trương Nguyễn Ngọc	Tuyền	04/06/2006	01DD14C1	6,8	Đạt	
279	1213360023	Phạm Nguyễn Văn	Tuyền	19/11/2002	01DD14C1	7,9	Đạt	
280	2213360060	Trịnh Thanh	Thanh	12/10/2006	02DD14C1	7,9	Đạt	
281	2223360081	Huỳnh Thị	Thanh	21/10/2001	02DN15C1	6,7	Đạt	
282	2189611361	Trịnh Thanh	Thanh	03/10/2002	02DD14B1	6,8	Đạt	
283	2213360333	Vũ Hồng	Thành	10/11/1999	02DN14D1	7,7	Đạt	
284	1213240046	Lê Công	Thành	18/12/2002	01YS14A1	4,0	Không Đạt	
285	2213360366	Đỗ Thị Phương	Thảo	15/10/2006	02DD14C1	5,5	Đạt	
286	2213180024	Hoàng Thị	Thảo	10/09/1990	02DS14B1	5,2	Đạt	
287	2213180034	Bùi Thị	Thảo	13/09/1982	02DS14B1	6,1	Đạt	
288	2213240136	Nguyễn Thị Thu	Thảo	11/05/1998	02MK14B1	4,3	Không Đạt	
289	2213240047	Bùi Ngọc	Thảo	28/03/1987	02DN14B1	7,3	Đạt	
290	2213360122	Đỗ Phương	Thảo	08/04/2006	02DH14C1	7,6	Đạt	
291	2178260277	Đỗ Thị Phương	Thảo	05/03/2003	02DH15C1	8,0	Đạt	
292	2199881390	Hoàng Thị	Thảo	09/11/1999	02TW14C1	6,3	Đạt	

STT	MSSV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm số	Kết quả	Ghi chú
293	2204205612	Bùi Thị	Thảo	03/06/2006	02DS14C1	0,0	Không Đạt	
294	1203360023	Phan Thanh	Thảo	10/10/2005	01YS13C1	9,5	Đạt	
295	1213360019	Nguyễn Thị Kim	Thảo	04/04/1995	01KT14C1	9,5	Đạt	
296	2223360521	Mai Thị Phương	Thảo	09/01/2005	01YS15C1	6,9	Đạt	
297	1213240019	Trần Thị Thu	Thắm	31/10/2002	01MK14A1	8,8	Đạt	
298	1213240043	Ka	Thê	25/12/1995	01DS14B1	4,5	Không Đạt	
299	2193360138	Nguyễn Duy	Thiên	14/05/2003	02DS12C1	2,3	Không Đạt	
300	2179881860	Nguyễn Duy	Thiên	23/02/2006	02MK14C1	5,2	Đạt	
301	2213180026	Nguyễn Văn	Thọ	15/12/1992	02DS14B1	9,9	Đạt	
302	2192854528	Nguyễn Văn	Thọ	29/10/1995	02DS14C1	6,7	Đạt	
303	2213360205	Nguyễn Ngọc Kim	Thoa	21/11/2006	02DD14C1	4,9	Không Đạt	
304	2213240106	Nguyễn Thị	Thom	10/09/1986	02DN14B1	8,4	Đạt	
305	2213180047	Phạm Thị	Thu	19/07/1980	02DS14B1	9,1	Đạt	
306	2213180013	Nguyễn Văn	Thuận	20/06/1997	02YS14B1	6,5	Đạt	
307	1223360045	Trần Nguyễn Quốc	Thuận	14/09/2007	01TM15C1	5,6	Đạt	
308	2213180009	Phạm Thị Thanh	Thủy	23/09/1993	02DS14B1	8,7	Đạt	
309	2196097695	Phạm Thị Thanh	Thủy	21/9/1993	02TM14A1	8,4	Đạt	
310	2203180050	Châu Anh	Thư	20/11/1997	02DD13B1	8,7	Đạt	
311	2213360119	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	01/01/2006	02KT14C1	7,5	Đạt	
312	1213360130	Nguyễn Anh	Thư	12/9/2006	01DD14C1	6,7	Đạt	
313	2223180058	Nguyễn Minh	Thức	25/11/1985	02DS15B1	7,7	Đạt	
314	2213240042	Đỗ Ngọc	Thực	28/12/2000	02DS14B1	4,5	Không Đạt	
315	2213240147	Lê Thị	Thương	10/7/1998	02DS14B1	9,7	Đạt	
316	2203665085	Lê Thị	Thương	29/08/2006	02DS14C1	6,5	Đạt	
317	1213240064	Phạm Bình	Thường	29/10/2001	01DD14B1	8,8	Đạt	
318	1213360106	Phan Nguyễn Nhã	Thy	30/04/2006	01DD14C1	8,5	Đạt	
319	2213240004	Hồ Thị Thu	Trang	01/03/2000	02KT14A1	5,3	Đạt	
320	1213360070	Nguyễn Thị Thu	Trang	29/12/2006	01KT14C1	8,9	Đạt	
321	1213360125	Nguyễn Trần Huyền	Trang	30/12/2006	01KT14C1	6,3	Đạt	
322	2223360228	Nguyễn Ngọc Bích	Trâm	08/06/2006	02DN15C1	0,0	Không Đạt	
323	1213180024	Nguyễn Thị Mai	Trâm	10/02/1986	01DS14A1	8,7	Đạt	
324	1213360048	Đỗ Thị Bích	Trâm	29/09/2006	01DD14C1	9,1	Đạt	
325	1213360111	Trần Nguyễn Mai	Trâm	27/4/2006	01DD14C1	6,7	Đạt	
326	1203240075	Nguyễn Ngọc Phương	Trâm	01/11/1997	01YS13A1	8,4	Đạt	
327	1213240006	Trương Thị Ngọc	Trâm	10/01/2000	01DS14B1	8,0	Đạt	
328	2203360070	Phạm Thị Huyền	Trân	17/03/2004	02DD13C1	4,1	Không Đạt	
329	2203360058	Nguyễn Ngọc Tuyết	Trân	13/11/2005	02DD13C2	5,2	Đạt	

STT	MSSV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm số	Kết quả	Ghi chú
330	2182584499	Phạm Thị Huyền	Trân	07/10/2006	02TM15C1	0,0	Không Đạt	
331	2184746611	Nguyễn Ngọc Tuyết	Trân	31/10/2003	02DS14C1	9,7	Đạt	
332	1213360061	Nguyễn Nhật Khánh	Trân	19/10/2006	01TM14C1	9,6	Đạt	
333	1213360107	Nguyễn Phước	Triệu	07/9/2006	01TM14C1	5,5	Đạt	
334	2213240129	Lê Phạm Phương	Trình	02/12/2002	02MK14B1	8,3	Đạt	
335	1213240038	Nguyễn Hoàng	Trình	10/03/2003	01KT14A1	9,1	Đạt	
336	1213240067	Vương Ngọc	Trình	09/9/2003	01DS14B1	5,1	Đạt	
337	2203360124	Lê Thị Phương	Trúc	29/12/2005	02DD13C1	5,2	Đạt	
338	2203360223	Nguyễn Thị Thủy	Trúc	12/02/2005	02DD13C2	5,5	Đạt	
339	2183665555	Lê Thị Phương	Trúc	07/7/2004	02MK14C1	8,9	Đạt	
340	2185827666	Nguyễn Thị Thủy	Trúc	17/10/2003	02MK14C1	5,6	Đạt	
341	1213180030	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	05/9/1982	01DS14B1	8,4	Đạt	
342	2213360188	Quan Minh	Trung	20/04/2005	02DD14C1	6,3	Đạt	
343	216180032	Nguyễn Đức	Trung	25/04/1991	02YS09C1	6,7	Đạt	
344	2186368194	Quan Minh	Trung	11/12/1980	02DD14B1	4,8	Không Đạt	
345	2202043501	Nguyễn Đức	Trung	10/01/1999	02DS14A1	8,7	Đạt	
346	2203360208	Phan Ngọc Phương	Uyên	30/04/2005	02MK13C1	6,3	Đạt	
347	1213240025	Huỳnh Thị Thúy	Uyên	11/12/1995	01DD14B1	7,3	Đạt	
348	1213180019	Võ Kim	Vàng	16/4/1996	01DS14B1	7,3	Đạt	
349	2213240134	Lê Thị Mỹ	Vân	10/02/2003	02DD14A1	4,9	Không Đạt	
350	2213360234	Ngô Thanh	Vân	01/02/2006	02DD14C1	8,7	Đạt	
351	2223360214	Lê Ngọc Khả	Vân	28/07/2007	02DN15C1	0,0	Không Đạt	
352	2185287139	Lê Thị Mỹ	Vân	19/11/2005	02MK14C1	7,5	Đạt	
353	2187449250	Ngô Thanh	Vân	08/06/1992	02DD14B1	9,6	Đạt	
354	2203360044	Nguyễn Thanh	Vi	25/04/1999	02DD13C2	8,8	Đạt	
355	2176098166	Nguyễn Thanh	Vi	20/10/2006	02DH14C1	8,4	Đạt	
356	1213360122	Trần Quốc	Vũ	10/2/1982	01YS14D1	7,2	Đạt	
357	1213180020	Hạ Trần	Vũ	17/3/1996	01YS14B1	7,1	Đạt	
358	2203360266	Phạm Thảo	Vy	03/01/2005	02DD13C2	4,8	Không Đạt	
359	2213360173	Nguyễn Ngọc Ái	Vy	12/11/2003	02MK14D1	7,2	Đạt	
360	2213360023	Tổng Thanh	Vy	28/10/1999	02KT14D1	6,4	Đạt	
361	1203360027	Trần Ngọc Tường	Vy	20/04/2005	02DD13C1	6,1	Đạt	
362	2213180014	Nguyễn Tường	Vy	11/10/1999	02KT14B1	8,5	Đạt	
363	2213360213	Võ Bảo	Vy	19/04/2006	02DH14C1	9,2	Đạt	
364	2188530305	Phạm Thảo	Vy	30/01/2002	02DD14B1	8,0	Đạt	
365	2200421918	Nguyễn Ngọc Ái	Vy	20/12/1993	02DS14A1	8,5	Đạt	
366	1213360105	Hồ Trần Thị Thanh	Vy	03/12/2006	01TM14C1	6,0	Đạt	

STT	MSSV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm số	Kết quả	Ghi chú
367	1203360166	Đặng Triệu	Vy	08/09/2001	01DS13D1	9,2	Đạt	
368	1213240051	Trần Thị Hoàng Thúy	Vy	2/9/2003	01DS14A1	9,7	Đạt	
369	1203360093	Nguyễn Thị Phương	Vy	02/07/2005	01DD13C1	7,5	Đạt	
370	1203360092	Nguyễn Thị Tường	Vy	26/09/2005	01DD13C1	7,7	Đạt	
371	2213360324	Trần Thị Cẩm	Xuyên	19/7/1996	02DD14D1	3,3	Không Đạt	
372	2203180046	Nguyễn Ngọc Minh	Ý	04/02/1992	02DD13B1	7,6	Đạt	
373	2223180037	Phạm Thị Hồng	Yến	15/01/1988	02DS15B1	8,3	Đạt	
374	1203360147	Nguyễn Hoàng	Yến	19/01/2004	01DD13C1	6,9	Đạt	
375	1203180039	Võ Thị Bảo	Yến	12/12/1993	01DS13A1	9,5	Đạt	
376	1203360041	Phan Thị Xuân	Yến	03/06/2005	01DD13C1	7,2	Đạt	

PHÒNG ĐÀO TẠO